

# MS. CHI ENGLISH

Name: \_\_\_\_\_

Date: .../.../20...

Class: GE8

Tel: 038 255 2594

## GLOBAL ENGLISH 8: UNIT 11 – PERSONALITY TYPES

### VOCABULARY 1

#### A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1*	<b>personality</b> (n) /ˌpɜːsəˈnæləti/	tính cách	20	<b>sympathetic</b> (adj) /ˌsɪmpəˈθetɪk/	đồng cảm
2	<b>profile</b> (n) /ˈprəʊfaɪl/	tiểu sử, hồ sơ	21	<b>instruction</b> (n) /ɪnˈstrʌkʃn/	chỉ dẫn, hướng dẫn
3	<b>adventurous</b> (adj) /ədˈventʃərəs/	thích phiêu lưu	22	<b>statement</b> (n) /ˈsteɪtmənt/	lời phát biểu, tuyên bố
4	<b>cautious</b> (adj) /ˈkɔːʃəs/	thận trọng	23	<b>analysis</b> (n) /ˌænəˈlɪtɪks/	sự phân tích
5	<b>decisive</b> (adj) /dɪˈsɪsɪv/	quả quyết	24*	<b>sort of = type of</b> /sɔːt/ /taɪp/	loại, thứ, hạng của cái gì đó
6*	<b>determined</b> (adj) /dɪˈtɜːmɪnd/	kiên định, quyết tâm	25*	<b>cheer SB up</b> /tʃɪə(r)/	cổ vũ, khích lệ, làm ai đó vui
7	<b>easy-going</b> (adj) /ˌiːzi ˈɡəʊɪŋ/	dễ tính	26	<b>annoyed</b> (adj) /əˈnɔɪd/	bực mình; bị quấy rầy, phiền hà
8	<b>generous</b> (adj) /ˈdʒenərəs/	hào phóng, rộng lượng	27	<b>sensible</b> (adj) /ˈsensəbl/	biết phải trái, biết điều
9	<b>impatient</b> (adj) /ɪmˈpeɪʃnt/	thiếu kiên nhẫn	28	<b>practical</b> (adj) /ˈpræktɪkl/	thiết thực, thực tế
10*	<b>logical</b> (adj) /ˈlɒdʒɪkl/	hợp lý, hợp với logic	29	<b>make a decision</b> /dɪˈsɪʒn/	đưa ra một quyết định
11	<b>loyal</b> (adj) /ˈlɔɪəl/	trung thành	30	<b>be in control of</b> /kənˈtrəʊl/	có thể kiểm soát, chỉ đạo cái gì đó
12*	<b>modest</b> (adj) /ˈmɒdɪst/	khiêm tốn, giản dị	31*	<b>be aware of</b> /əˈweə(r)/	có nhận thức về cái gì đó
13*	<b>optimistic</b> (adj) /ˌɒptɪˈmɪstɪk/	lạc quan	32	<b>deal with</b> /diːl/	đối mặt, giải quyết một việc gì đó
14	<b>pessimistic</b> (adj) /ˌpesɪˈmɪstɪk/	bi quan	33	<b>evidence</b> (n) /ˈeɪdɪns/	bằng chứng, chứng cứ
15*	<b>organized</b> (adj) /ˈɔːɡənəɪzd/	có trật tự, gọn gàng, ngăn nắp	34	<b>exactly</b> (adv) /ɪɡˈzæktli/	một cách chính xác
16	<b>patient</b> (adj) /ˈpeɪʃnt/	kiên nhẫn	35	<b>get upset</b> /ˌʌpˈset/	trở nên khó chịu, buồn bực

17*	<b>quick-tempered</b> (adj) /ˌkwɪk ˈtempəd/	nóng tính	36	<b>last-minute change</b> /ˌlɑːst ˈmɪn.ɪt tʃeɪndʒ/	thay đổi vào phút chót
18	<b>sociable</b> (adj) /ˈsəʊʃəbl/	hòa đồng, dễ gần	37	<b>be on time</b> /taɪm/	đúng giờ
19*	<b>spontaneous</b> (adj) /spɒnˈteɪniəs/	tự ý, tự phát	38*	<b>realistic</b> (adj) /ˌrɪəˈlɪs.tɪk/	có óc thực tế

### Từ vựng mở rộng

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>efficient</b> (adj) /ɪˈfɪʃnt/	năng suất, hiệu quả	5	<b>creative</b> (adj) /kriˈeɪtɪv/	sáng tạo
2	<b>possession</b> (n) /pəˈzeʃn/	tài sản, của cải	6	<b>silly</b> (adj) /ˈsɪli/	ngốc nghếch
3	<b>confidence</b> (n) /ˈkɒnfɪdəns/	sự tự tin	7	<b>guard</b> (n) /ɡɑːd/	lính canh, người canh gác
4*	<b>expect</b> (v) /ɪkˈspekt/	mong đợi	8	<b>refuse</b> (v) /rəˈfjuːz/	từ chối

**\*Note:** n = noun (danh từ); adj = adjective (tính từ); adv = adverb (trạng từ)

v = verb (động từ); SB = somebody (một ai đó)

Từ có ký hiệu \* có 2 cách phát âm

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

### B. HOMEWORK

**\*Note:** DO NOT apply short forms (contractions) in sentences.

Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

**I. Choose the correct answer by circling A, B, C or D.**

0. My sister really enjoys reading this type \_\_\_\_\_ books.

A. of

B. about

C. on

D. with

1. He is doing everything to cheer his mother \_\_\_\_\_.

A. down

B. below

C. up

D. under

2. The captain says that his team is now \_\_\_\_\_ control of the situation.

A. under

B. in

C. on

D. with

3. Lan: "Do you know that we are going to have a test tomorrow?"

Mai: "Yes, I am aware \_\_\_\_\_ it."

- A. in                      B. with                      C. about                      D. of

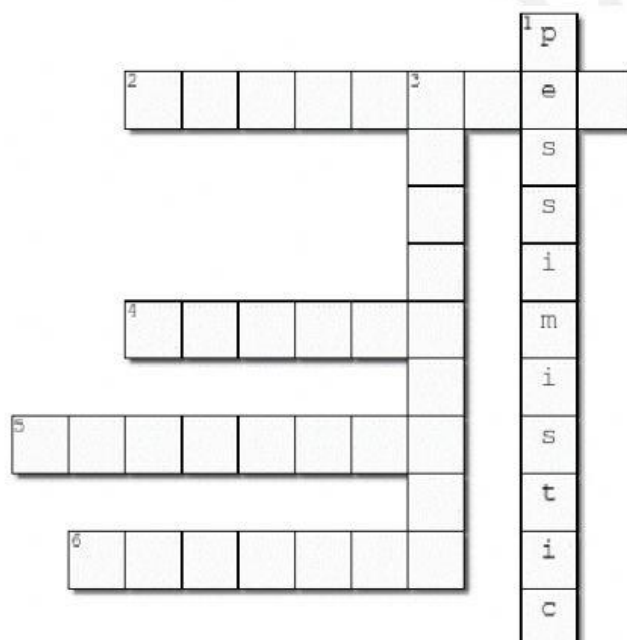
4. The actor said that he needed time to deal \_\_\_\_\_ the bad news.

- A. with                      B. for                      C. in                      D. on

5. The trains are usually \_\_\_\_\_ time.

- A. on                      B. off                      C. before                      D. after

## II. Complete the crossword puzzle below.



### Across

2. able to plan your work, life, etc. well and in an efficient way  
4. not talking much about your own abilities or possessions  
5. able to decide something quickly and with confidence  
6. able to wait for a long time or accept annoying behaviour without becoming angry

### Down

1. expecting bad things to happen or something not to be successful  
3. annoyed by somebody/something, especially because you have to wait for a long time

**III. Complete the sentences using the words given in the box.**

**quick-tempered**

**loyal**

**personality**

**exactly**

**instructions**

**in control of**

0. He has a **quick-tempered** friend who gets angry all the time.

1. Dogs are famous for being the most \_\_\_\_\_ pet.

2. He's not very handsome, but he has a wonderful \_\_\_\_\_.

3. Our results must be \_\_\_\_\_ the same.

4. The Queen is \_\_\_\_\_ her guards.

5. You should follow the \_\_\_\_\_ printed on the toy box.

**IV. Unscramble the words to make sentences.**

0. guarantees / The teacher / there / that / will / be / not / last-minute / a / change / .

→ **The teacher guarantees that there will not be a last-minute change.**

1. statement / The president / to / is / make / a / going / .

→ \_\_\_\_\_

2. day / exercise / to / every / am / single / I / determined / .

→ \_\_\_\_\_

3. Your / sounds / good / , / but / idea / there / is / practical / a / purpose / it / for / ?

→ \_\_\_\_\_

4. The boy / sweets / his / upset / mother / is / because / refuses / to / buy / him / .

→ \_\_\_\_\_

5. The teacher / boy / patient / very / the / lazy / with / was / .

→ \_\_\_\_\_

V. Write 4 to 5 sentences to describe one of your friends using the words and phrases you have learned.

### Describing a friend

“The first thing I would say about my best friend is that she’s very **sensible**<sup>1</sup>. I’ve never known Emilia to do anything **silly**<sup>2</sup>, and I know I can always **trust**<sup>3</sup> her. She’s also very **creative**<sup>4</sup>; she makes things, and she’s a very **talented**<sup>5</sup> artist. I **wish**<sup>6</sup> I had her **talent**.”

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

## FCE 2008 (1) – TEST 3 – PART 2

Con làm bài nghe tại link sau: [https://youtu.be/G\\_F35NNdUKA](https://youtu.be/G_F35NNdUKA)

Test 3

### Part 2

You will hear a man called Peter Welby, who makes small models of buildings, talking about his work. For questions 9–18, complete the sentences.

## The Model Maker

Before becoming a model maker, Peter did a course in

9 at a college.

Peter compares his job to the type of work done by a  10

In Peter's hardest job, he was given some

11 of the building to work from.

Peter's most enjoyable job was making a model of a

12 for an exhibition.

Most of Peter's work is exported to  and  13

Peter says his models look best when they have

14 directed onto them.

Peter's model of Marney House measures  15 in height.

The Marney House model took a long time to make because it had so many

16 and roof tiles.

The roof tiles on the model of Marney House are made of  17

Peter uses watercolour paint to reproduce the effects of the weather and

18